TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2022/DS-ST.
Ngày: 14/10/2022.
V/v: "T/c hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T.

2. Bà Phạm Hồng G.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đặng Thanh S** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐ-HPT ngày 30/8/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 19/2022/TB-TA ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S do Lê Thanh S1 làm chủ.**

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Danh Đ,** sinh năm 1977 và bà **Danh Thị Hồng N,** sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp Kinh Mới, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Ông S1, bà N có mặt, ông Danh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ trình bày như sau:*

Do ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N cư trú trên địa bàn xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên có quen biết ông Lê Thanh S1. Từ chỗ quen biết nên ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ mua thiếu các mặt hàng vật tư nông nghiệp về để làm ruộng. Đến ngày 16/7/2014 ông Lê Thanh S1 với ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N tiến hành tổng kết nợ thì ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N còn nợ của ông Lê Thanh S1 tiền mua vật tư nông nghiệp tổng số tiền gốc là 130.700.000 đồng và lãi tính đến cùng thời điểm là 69.250.000 đồng. Sau khi chốt nợ ông S1 và ông Đ và bà N có lập giấy nhận nợ cùng ngày có chữ ký xác nhận nợ của ông Đ và bà N. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Sau khi chốt nợ ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N cam kết trả nợ cho ông Lê Thanh S1. Sau khi kết nợ ông S1 có đến nhà ông Đ và bà N đòi nợ nhiều lần nhưng ông Đ và bà N vẫn cứ hứa hẹn chưa trả hết số nợ trên cho ông S1.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Thanh S1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho ông Lê Thanh S1 số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 130.700.000 đồng, tiền lãi kể thời điểm viết công nợ là 69.250.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/7/2014 đến ngày 17/7/2021 là 84 tháng trên số tiền gốc với lãi suất là 2%/tháng cụ thể như sau: 130.700.000 đồng x 84 tháng x 2%/tháng = 219.576.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 419.526.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc sau ngày 17/7/2021 cho đến khi xét xử vụ án.

Tại phiên hòa giải ông S1 thừa nhận ông Đ, bà N đã trả cho ông S1 số tiền gốc 37.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 93.700.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp số tiền gốc là 93.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/5/2017 đến ngày 14/10/2022 là 65 tháng với lãi suất 1%/tháng, cụ thể là: 93.700.000 đồng x 65

tháng x 1%/tháng = 60.905.000 đồng, ông S1 giảm bớt thêm cho ông Đ, bà N thêm 14.605.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu ông Đ, bà N trả số tiền lãi là 46.300.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi ông S1 yêu cầu ông Đ, bà N phải trả là 140.000.000 đồng. Đồng thời ông S1 tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Đ, bà N trả khoản nợ 69.250.000 đồng theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn do bà Danh Thị Hồng N trình bày như sau:*

Bà Danh Thị Hồng N thừa nhận bà và chồng bà là ông Danh Đ có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ nhiều lần, theo hình thức gối đầu nghĩa là mua thiếu đầu vụ, trả tiền cuối vụ. Đến ngày 16/7/2014 bà Danh Thị Hồng N với chồng là ông Danh Đ cùng ông Lê Thanh S1 tổng kết nợ thì bà N và ông Đ còn nợ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 tổng cộng là 130.700.000 đồng và tiền lãi tính đến cùng thời điểm là 69.250.000 đồng. Sau khi chốt nợ bà N và ông Đ có cùng ký giấy nhận nợ cùng ngày để xác nhận nợ trên với ông S1. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Sau đó, vào ngày 05/11/2015 ông Đ, bà N trả cho ông S1 được 20.000.000 đồng, vào ngày 13/4/2016 ông Đ, bà N trả cho ông S1 được 10.000.000 đồng, vào ngày 08/15/2017 ông Đ, bà N trả cho ông S1 được 7.000.000 đồng, tổng cộng là 37.000.000 đồng thì ngưng trả nợ cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 93.700.000 đồng và tiền lãi là 46.300.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi nêu trên ông S1 yêu cầu ông Đ, bà N phải trả là 140.000.000 đồng. Đồng thời ông S1 yêu cầu rút toàn bộ các khoản nợ khác theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1 thì bà Danh Thị Hồng N đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông S1. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà N xin trả nợ dần số tiền 140.000.000 đồng cho ông S1. Ngoài ra, bà N không trình bày gì thêm.

** Bị đơn ông Danh Đ:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Danh Đ, ông Đ đã nhận đầy đủ nhưng vẫn không về tham dự phiên tòa. Đồng thời Tòa án cũng yêu cầu ông Đ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay ông Đ vẫn không có

văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thanh S1 khởi kiện yêu cầu ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông S1 làm chủ. Ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Danh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn ông Danh Đ.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự HĐXX có cơ sở nhận định như sau:

Ông Lê Thanh S1 và bà Danh Thị Hồng N đều xác nhận do quen biết nên ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông Lê Thanh S1 làm chủ để mua vật tư nông nghiệp về làm ruộng. Đến ngày 16/7/2014 ông S1, ông Đ và bà N tổng kết nợ thì ông Đ, bà N còn nợ ông S1 số tiền 130.700.000 đồng, nợ lãi cùng thời điểm viết công nợ là 69.250.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Sau khi tổng kết nợ thì ông Đ, bà N trả cho ông S1 số tiền gốc vào các ngày 05/11/2015 trả 20.000.000 đồng, vào ngày 13/4/2016 trả 10.000.000 đồng và vào ngày 08/15/2017 trả 7.000.000 đồng, tổng cộng là 37.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 93.700.000 đồng tiền gốc thì ngưng trả nợ cho đến nay. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền gốc là 93.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/5/2017 đến ngày 14/10/2022 là 65 tháng với lãi suất 1%/tháng, cụ thể là: 93.700.000 đồng x 65 tháng x 1%/tháng = 60.905.000 đồng, ông S1 giảm bớt thêm cho ông Đ, bà N thêm 14.605.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu ông Đ,

bà N trả số tiền lãi là 46.300.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi ông S1 yêu cầu ông Đ, bà N phải trả là 140.000.000 đồng. Đồng thời ông S1 yêu cầu rút yêu cầu buộc ông Đ, bà N trả khoản nợ 69.250.000 đồng theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên bán là Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán…"*.

Đồng thời, tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng…3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ số tiền mua bán còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 16/7/2014, ông Đ và bà N hẹn sẽ thanh toán hết số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền gốc và lãi. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét yêu cầu rút một phần khởi kiện của ông Lê Thanh S1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà Danh Thị Hồng N đồng ý trả số nợ trên cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà N xin được trả dần số tiền 140.000.000 đồng đến khi

hết số nợ này nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm : Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1./ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1. Buộc ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 93.700.000 đồng, tiền lãi là 46.300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh S1 về việc buộc ông Danh Đ, bà Danh Thị Hồng N trả khoản nợ 69.250.000 đồng theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh Đ và bà Danh Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.205.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007943 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn A